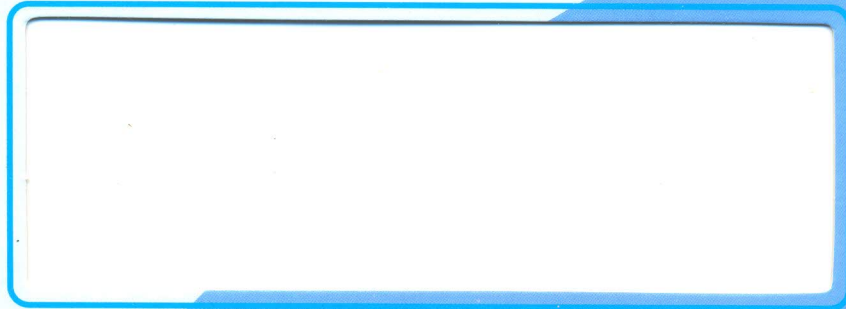




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

M.S.N.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp là 4100259437.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là 29/01/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 11.264.740.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2014: 11.264.740.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84) 056.3522453
- Fax: (84) 056.3522853
- Email: bidisabico@vnn.vn
- Website: www.sachthietbibinhdinhh.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm);
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
- In lụa;
- Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
- Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 45 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|-----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Hồ Văn Lĩnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/03/2013 |
| • Ông Đỗ Hữu Long | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2012 |
| • Ông Phạm Đình Thuán | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2012 |
| • Ông Hồ Phú Cường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2012 |
| • Bà Diệp Cẩm Nhung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/03/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Học Huệ | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2012 |
| • Bà Đoàn Thị Xuân Dung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2012 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Đình Thuán | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/04/2012 |
| • Ông Đỗ Hữu Long | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2012 |
| • Bà Diệp Cẩm Nhung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2012 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

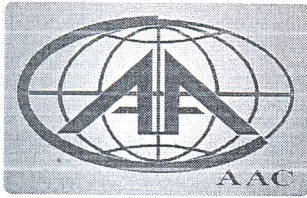
Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 8 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 972/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 20/07/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0391-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 8 tháng 8 năm 2014

Lâm Quang Tú – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.622.277.696	10.880.707.315
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		564.379.989	2.379.159.796
1. Tiền	111	5	564.379.989	2.379.159.796
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	500.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.808.149.064	2.697.275.186
1. Phải thu khách hàng	131		16.506.596.756	2.433.905.068
2. Trả trước cho người bán	132		79.746.024	35.846.778
3. Các khoản phải thu khác	135	7	262.773.193	268.490.249
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(40.966.909)	(40.966.909)
IV. Hàng tồn kho	140		8.634.328.363	5.708.512.386
1. Hàng tồn kho	141	8	8.754.727.476	5.828.911.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(120.399.113)	(120.399.113)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.420.280	95.759.947
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	10.278.000	1.203.406
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	660.261
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	105.142.280	93.896.280
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.018.090.115	5.219.400.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.994.869.232	5.151.327.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.139.192.649	1.253.886.883
- Nguyên giá	222		5.739.706.523	5.789.706.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.600.513.874)	(4.535.819.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	3.855.676.583	3.897.441.053
- Nguyên giá	228		4.108.352.900	4.108.352.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.676.317)	(210.911.847)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.220.883	68.072.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	23.220.883	68.072.960
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.640.367.811	16.100.108.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.612.717.164	3.896.249.977
I. Nợ ngắn hạn	310		19.610.717.164	3.894.249.977
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	3.042.929.612	-
2. Phải trả người bán	312		16.049.374.601	3.297.726.940
3. Người mua trả tiền trước	313		18.498.853	13.449.336
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	78.979.672	146.450.712
5. Phải trả người lao động	315		228.487.525	263.638.525
6. Chi phí phải trả	316	16	24.552.286	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	151.412.370	124.977.818
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.482.245	48.006.646
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000	2.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.000.000	2.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.027.650.647	12.203.858.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	12.027.650.647	12.203.858.234
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	11.264.740.000	11.264.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	441.475.679	441.475.679
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	159.700.355	159.700.355
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	161.734.613	337.942.200
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.640.367.811	16.100.108.211

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	8.252.589	8.252.589



Phạm Đình Thuận

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Nguyễn Thị Học Huệ

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	35.426.755.541	28.023.265.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	23.506.988	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	19	35.403.248.553	28.023.265.353
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.860.389.996	25.615.413.059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		2.542.858.557	2.407.852.294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	139.842.718	218.003.750
7. Chi phí tài chính	22	22	92.540.975	191.805.607
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		92.540.975	191.805.607
8. Chi phí bán hàng	24		1.382.152.646	1.212.929.626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.117.219.111	1.103.989.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.788.543	117.131.101
11. Thu nhập khác	31	23	274.227.485	187.609.115
12. Chi phí khác	32	24	152.022.935	34.440.022
13. Lợi nhuận khác	40		122.204.550	153.169.093
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	212.993.093	270.300.194
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	51.258.480	62.950.031
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	161.734.613	207.350.163
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	144	184



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Nguyễn Thị Học Huệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01	21.945.710.158	24.850.766.909
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02	(24.582.712.335)	(27.152.507.166)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.089.934.500)	(1.237.428.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(67.988.689)	(175.531.558)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(43.586.557)	(76.269.363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	597.283.976	429.363.385
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(812.356.074)	(805.941.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.053.584.021)	(4.167.547.693)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22	15.000.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.014.302	19.015.429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(464.985.698)	19.015.429
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.637.423.849	20.129.634.669
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.594.494.237)	(15.891.490.935)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(339.139.700)	(450.785.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.703.789.912	3.787.358.134
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.814.779.807)	(361.174.130)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.379.159.796	1.505.030.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	564.379.989	1.143.856.463



Phạm Đình Thuận

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Nguyễn Thị Học Huệ

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp là 4100259437.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm);
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
- In lụa;
- Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
- Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời-gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	6 – 8
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 5

4.5 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	60.962.355	595.449.030
Tiền gửi ngân hàng	503.417.634	1.783.710.766
Cộng	564.379.989	2.379.159.796

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khác	262.773.193	268.490.249
- Phải thu Công đoàn Công ty	228.755.000	233.874.000
- Lãi dự thu	31.208.333	-
- Phải thu khác	2.809.860	34.616.249
Cộng	262.773.193	268.490.249

8. Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	338.797.778	326.284.436
Công cụ, dụng cụ	3.442.762	3.936.204
Thành phẩm	575.492.888	665.975.078
Hàng hóa	7.836.994.048	4.832.715.781
Cộng	8.754.727.476	5.828.911.499

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	487.500
Chi phí bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm xe	10.278.000	-
Chi phí trả trước khác	-	715.906
Cộng	10.278.000	1.203.406

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	105.142.280	93.896.280
Cộng	105.142.280	93.896.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải, truyền dẫn VND	T.bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.765.134.059	158.000.000	791.572.464	75.000.000	5.789.706.523
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Số cuối kỳ	4.765.134.059	108.000.000	791.572.464	75.000.000	5.739.706.523
Khấu hao					
Số đầu năm	3.625.553.940	95.000.000	766.244.868	49.020.832	4.535.819.640
Khấu hao trong kỳ	92.720.958	9.000.000	7.598.276	5.375.000	114.694.234
Thanh lý, nhượng bán	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Số cuối kỳ	3.718.274.898	54.000.000	773.843.144	54.395.832	4.600.513.874
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.139.580.119	63.000.000	25.327.596	25.979.168	1.253.886.883
Số cuối kỳ	1.046.859.161	54.000.000	17.729.320	20.604.168	1.139.192.649

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 1.631.563.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2014 là 391.758.200 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	4.108.352.900	4.108.352.900
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	4.108.352.900	4.108.352.900
Khấu hao		
Số đầu năm	210.911.847	210.911.847
Khấu hao trong kỳ	41.764.470	41.764.470
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	252.676.317	252.676.317
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	3.897.441.053	3.897.441.053
Số cuối kỳ	3.855.676.583	3.855.676.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- ✓ Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Tây Sơn có nguyên giá 120.137.500 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 29/05/2050.
- ✓ Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2050.
- ✓ Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	21.814.470	67.453.235
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	1.406.413	619.725
Cộng	23.220.883	68.072.960

14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn)	3.042.929.612	-
Cộng	3.042.929.612	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	21.991.177	102.864.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.258.480	43.586.557
Thuế thu nhập cá nhân	5.730.015	-
Cộng	78.979.672	146.450.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	24.552.286	-
Cộng	24.552.286	-

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	93.644.604	75.890.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.767.766	49.087.674
- Phải trả phụ cấp HĐQT và Ban Kiểm soát	36.627.270	31.200.000
- Cổ tức phải trả	6.543.500	7.741.000
- Phải trả khác	14.596.996	10.146.674
Cộng	151.412.370	124.977.818

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	11.264.740.000	421.394.184	143.635.159	450.589.600	12.280.358.943
Tăng trong năm	-	20.081.495	16.065.196	401.629.897	437.776.588
Giảm trong năm	-	-	-	514.277.297	514.277.297
Số dư tại 31/12/2013	11.264.740.000	441.475.679	159.700.355	337.942.200	12.203.858.234
Số dư tại 01/01/2014	11.264.740.000	441.475.679	159.700.355	337.942.200	12.203.858.234
Tăng trong kỳ	-	-	-	161.734.613	161.734.613
Giảm trong kỳ	-	-	-	337.942.200	337.942.200
Số dư tại 30/06/2014	11.264.740.000	441.475.679	159.700.355	161.734.613	12.027.650.647

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu thường	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu thường	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	337.942.200	450.589.600
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.734.613	401.629.897
Phân phối lợi nhuận năm trước	337.942.200	450.589.600
- Chia cổ tức cho các cổ đông	337.942.200	450.589.600
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	63.687.697
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	20.081.495
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	16.065.196
- Trích quỹ KTPL, thưởng Ban điều hành	-	27.541.006
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	161.734.613	337.942.200

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28/03/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%/vốn điều lệ (tương ứng 337.942.200 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này vào ngày 07/04/2014.

19. Doanh thu

	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2014	năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu	35.426.755.541	28.023.265.353
+ Doanh thu bán sách	29.014.431.136	22.245.151.957
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	5.963.875.058	5.406.251.275
+ Doanh thu khác (gỗ, mộc, in...)	448.449.347	371.862.121
Các khoản giảm trừ doanh thu	23.506.988	-
+ Hàng bán bị trả lại	23.506.988	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.403.248.553	28.023.265.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn bán sách	27.182.913.838	20.556.973.156
Giá vốn thiết bị giáo dục	5.350.849.853	4.759.814.132
Giá vốn khác (gỗ, mộc, in...)	326.626.305	298.625.771
Cộng	32.860.389.996	25.615.413.059

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.222.635	32.330.982
Chiết khấu thanh toán	88.620.083	185.672.768
Cộng	139.842.718	218.003.750

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	92.540.975	191.805.607
Cộng	92.540.975	191.805.607

23. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu tiền điện	1.488.638	6.990.023
Thu tiền cho thuê nhà, kho bãi	180.700.910	164.817.274
Thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu	9.318.818	1.710.909
Thu thanh lý tài sản cố định	13.636.364	-
Xử lý kiểm kê	4.320.743	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường hàng hóa do lũ lụt	28.254.200	-
Thu nhập khác	36.507.812	14.090.909
Cộng	274.227.485	187.609.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí tiền phạt	257.161	363.589
Giá trị hàng hóa bán thanh lý	106.806.912	14.075.988
Thanh lý hàng hóa bị bão lụt	22.921.690	-
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
Chi phí khác	2.037.172	445
Cộng	152.022.935	34.440.022

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	212.993.093	270.300.194
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	20.000.000	30.206.589
Điều chỉnh tăng	20.000.000	30.206.589
- Phạt chậm nộp thuế	-	363.589
- Phí niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	20.000.000
- Phụ cấp HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành	-	9.843.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	232.993.093	300.506.783
- Thu nhập từ hoạt động áp dụng thuế suất ưu đãi	-	100.103.690
- Thu nhập từ hoạt động không áp dụng thuế suất ưu đãi	232.993.093	200.403.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.258.480	60.111.142
- Từ hoạt động áp dụng thuế suất ưu đãi (10%)	-	10.010.369
- Từ hoạt động không áp dụng thuế suất ưu đãi (22%)	51.258.480	50.100.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.258.480	62.950.031
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	51.258.480	60.111.142
- Chi phí thuế TNDN hiện hành truy thu năm trước	-	2.838.889
Lợi nhuận sau thuế TNDN	161.734.613	207.350.163

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.734.613	207.350.163
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	161.734.613	207.350.163
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	144	184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	260.593.485	565.926.162
Chi phí nhân công	1.288.073.440	1.307.650.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.458.704	163.269.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.973.667	433.398.351
Chi phí khác bằng tiền	445.073.009	459.247.647
Cộng	2.777.172.305	2.929.491.487

28. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Như trình bày tại thuyết minh số 14, Công ty hiện vay vốn ngắn hạn. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2014	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	3.042.929.612	-	3.042.929.612
Phải trả người bán	16.049.374.601	-	16.049.374.601
Phải trả khác	57.767.766	2.000.000	59.767.766
Chi phí phải trả	24.552.286	-	24.552.286
Cộng	19.174.624.265	2.000.000	19.176.624.265

31/12/2013	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán	3.297.726.940	-	3.297.726.940
Phải trả khác	49.087.674	2.000.000	51.087.674
Cộng	3.346.814.614	2.000.000	3.348.814.614

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức chấp nhận được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2014	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.379.989	-	564.379.989
Phải thu khách hàng	16.469.476.625	-	16.469.476.625
Các khoản phải thu khác	34.018.193	-	34.018.193
Đầu tư ngắn hạn	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	17.567.874.807	-	17.567.874.807

31/12/2013	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.379.159.796	-	2.379.159.796
Phải thu khách hàng	2.396.784.937	-	2.396.784.937
Các khoản phải thu khác	34.616.249	-	34.616.249
Cộng	4.810.560.982	-	4.810.560.982

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

30. Thông tin với bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối liên hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	9.641.157.370	8.683.273.710
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	19.135.781.413	12.598.081.667
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Mua hàng	182.209.932	184.980.590

c. Số dư với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	7.247.175.982	436.139.523
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Phải trả người bán	5.181.574.662	98.615.952
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Phải trả người bán	178.880.872	66.670.940

d. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lương của Ban Giám đốc	124.200.000	141.210.000
Thưởng của Ban Giám đốc	8.600.000	18.600.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	25.512.000
Cộng	132.800.000	185.322.000

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Nguyễn Thị Học Huệ